TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/DS-ST
Ngày: 23/6/2025
V/v Tranh chấp dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phượng;

2. Ông Nguyễn Bạch Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tuyên - Kiểm sát viên.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 04/6/2025 và ngày 23/6/2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 93/2025/TLST-DS ngày 27/02/2025 về việc "Tranh chấp dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST-DS ngày 19/5/2025 và Quyết định số 103/2025/QĐST-DS ngày 04/6/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ú (tên gọi khác Út H), sinh năm 1977.

Địa chỉ: Nhà nghỉ H3, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt: Chị Phan Thị Ú;

Vắng mặt: Chị Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ú trình bày:

Chị Phan Thị Ú có tham gia 02 dây hụi do chị Nguyễn Thanh T làm chủ hụi với tên hụi viên là Út H, 02 dây hụi gồm: Dây hụi mở ngày 20/3/2023 âm lịch, 1.000.000 đồng/tháng, 24 thành viên, huê hồng 300.000 đồng và dây hụi mở ngày 05/6/2023 âm lịch, 2.000.000 đồng/tháng, 23 thành viên, huê hồng 500.000 đồng. Chị T có viết danh sách hụi và gửi cho chị Ú bản phô tô danh sách hụi.

Đối với dây hụi 1.000.000 đồng, 24 phần, mở ngày 20/3/2023 âm lịch. Chị Ú đóng hụi đến ngày 20/9/2024, là 19 lần. Ngày 20/10/2024, chị T tuyên bố bể dây hụi này, các bên thỏa thuận chị T trả lại cho chị Ú một phần tiền là 14.000.000 đồng để cấn trừ vào tiền hụi chết của dây hụi 2.000.000 đồng.

Đối với dây hụi 2.000.000 đồng, 23 phần, mở ngày 05/6/2023 âm lịch. Chị T có thêm 01 thành viên, tổng cộng 24 thành viên, nhưng không đưa danh sách hụi bổ sung cho chị Ú. Chị Ú đóng tiền hụi sống được 15 lần. Đến lần thứ 16 ngày 05/9/2024, chị Ú bỏ hụi với số tiền 1.080.000 đồng để hốt hụi được 35.940.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng. Chị T đã giao cho chị Ú 5.940.000 đồng vào ngày 15/9/2024 A. Chị T còn nợ lại 30.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, tháng 10/2024 A trả 2.000.000 đồng, đến ngày 11/2024 Al trả 1.000.000 đồng, ngày 12/2024 Al trả 1.000.000 đồng (chị dâu tên S nhận về đưa lại cho chị Ú). Đến nay, chị T còn nợ 26.000.000 đồng tiền hụi chưa trả. Đối với phần hụi chết được cấn trừ vào 14.000.000 đồng chị T thỏa thuận trả cho chị Ú đối với dây hụi mở ngày 20/3/2023 âm lịch.

Nay, chị Ú yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thanh T trả cho chị Ú 26.000.000 đồng tiền hụi còn nợ.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thanh T: Vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và không có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Phan Thị Ú giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Nguyễn Thanh T trả cho chị Ú tiền hụi còn nợ là 26.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự cũng như tại phiên tòa Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn là chị Ú chấp hành pháp luật đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chị T vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ú, buộc chị T trả cho chị Ú số tiền 21.520.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phan Thị Ú khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thanh T trả tiền hụi còn nợ, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự

xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp dân sự về hụi.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Nguyễn Thanh T đang cư trú tại địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T theo quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Đối với chị Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm và không có văn bản ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của chị Nguyễn Thanh T theo biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2025. Theo đó:

[2.1] Chị Ú và chị T đều thừa nhận: Chị Ú có tham gia 02 dây hụi do chị T làm chủ hụi, ghi tên Út H, gồm: Dây hụi mở ngày 20/3/2023 âm lịch, 1000.000 đồng/tháng, 24 thành viên, huê hồng 300.000 đồng và dây hụi mở ngày 05/6/2023 âm lịch, 2.000.000 đồng/tháng, 23 thành viên, huê hồng 500.000 đồng. Chị T thừa nhận 02 Danh sách hụi (Bút lục 03, 04) là do chị T viết và phô tô gửi cho các hụi viên, là 02 dây hụi mà chị Ú có yêu cầu. Sau này có thêm 01 thành viên tên Bé H2 vào dây hụi 2.000.000 đồng đúng như Danh sách hụi do chị B H2 nộp cho Tòa (Bút lục số 24).

[2.2] Việc thực hiện giao dịch đối với 02 dây hụi nêu trên:

[2.2.1] Đối với dây hụi mở ngày 20/3/2023 âm lịch, chị Ú và chị T thống nhất phần hụi sống chị Ú đã đóng sẽ được cấn trừ vào phần hụi chết mà chị Ú phải đóng cho chị T đối với dây hụi ngày 05/6/2023 âm lịch. Hai bên không có tranh chấp đối với dây hụi này.

[2.2.2] Đối với dây hụi mở ngày 05/6/2023 chị Ú cho rằng chị T chưa giao đủ tiền hụi, còn nợ lại là 26.000.000 đồng. Ngược lại, chị T cho rằng đã giao đủ tiền hụi cho chị Ú theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Chị Ú và chị T thống nhất không tranh chấp nghĩa vụ đóng hụi chết của chị Ú do có thỏa thuận như phân tích tại mục [2.2.1].

- Đối với nghĩa vụ giao tiền hụi của chị T: Chị Ú và chị T đều thừa nhận có sự việc chị Ú đã bỏ hụi với số tiền 1.080.000 đồng để hốt hụi. Chị T trình bày khi giao hụi thì chị Ú có ký nhận nhưng hiện nay không còn lưu giữ các giấy tờ hụi và không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngược lại chị Ú không thừa nhận lời nhận ý kiến của chị T. Cho nên, việc chị Ú yêu cầu chị T trả tiền hụi còn nợ là có căn cứ, do chị T không chứng minh được việc đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền hụi.

- Xét số tiền hụi mà chị T có nghĩa vụ giao cho chị Ú:

Chị Ú cho rằng bỏ hụi với số tiền 1.080.000 đồng để hốt hụi vào lần thứ 16, với tổng số tiền là 35.940.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Ú trình bày được 11 hụi viên đã hốt hụi là: Mười Tài, H1, T mỗi người 02 phần, Tám Đ, Mợ B, chị Tư T1, Vợ Ghẻ mỗi người một 01 phần và chị Ú là 12 người đã hốt hụi, là không phù hợp với lời trình bày hốt hụi lần thứ 16. Ngoài ra, chị Út H không có chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngược lại, chị T chỉ thừa nhận chị Ú hốt hụi vào lần thứ 11 với tổng số tiền là 31.460.000 đồng. Lời khai của chị T phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị Bé H2 là hụi viên của dây hụi ngày 05/6/2023 âm lịch: *"Dây hụi này bể lần thứ 12"* (bút lục số 27). Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ để xác định chị Ú hốt hụi vào lần thứ 11 theo lời thừa nhận của chị T và người làm chứng.

Xét thấy, dây hụi 2.000.000 đồng ban đầu có 23 thành viên, chị Ú cũng thừa nhận sau này có thêm 01 thành viên là chị Bé H2, tổng cộng 24 thành viên. Mặc dù, chị Ú chỉ yêu cầu số tiền hốt hụi trên 23 thành viên, tuy nhiên việc xác định 24 thành viên theo lời trình bày của chị T là có lợi cho chị Ú nên xác định dây hụi này có 24 thành viên.

Do đó, số tiền hụi hốt được lần thứ 11 là: Tiền hụi sống: 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng; Tiền hốt hụi còn lại: (14 – 1) lần x (2.000.000 đồng – 1.080.000 đồng) = 11.960.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi chị Ú hốt hụi lần thứ 11 là: 20.000.000 đồng + 11.960.000 đồng – 500.000 đồng tiền huê hồng = 31.460.000 đồng, đúng như lời thừa nhận của chị T.

Ngoài ra, chị Ú thừa nhận chị T đã giao một phần tiền hụi, gồm: 5.940.000 đồng vào ngày 15/9/2024, 2.000.000 đồng vào tháng 10/2024 A, 1.000.000 đồng vào tháng 11/2024 AL, 1.000.000 đồng vào tháng 12/2024 A. Tổng cộng chị T đã giao hụi là 9.940.000 đồng. Như vậy, bà T còn nợ chị Ú số tiền hụi là 31.460.000 đồng – 9.940.000 đồng = 21.520.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường quy định chủ hụi có nghĩa vụ*"Giao các phần họ (hụi) cho thành viên lĩnh họ (hụi) tại mỗi kỳ mở họ (hụi)"*. Do đó, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị Phan Thị Ú có căn cứ chấp nhận một phần, buộc chị Nguyễn Thanh T trả cho chị Phan Thị Ú số tiền hụi còn nợ là 21.520.000 đồng.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phan Thị Ú là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Chị Phan Thị Ú phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005543 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Ú được nhận lại 350.000 đồng.

Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 538.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền hụi buộc phải trả cho chị Ú.

[5] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chị Phan Thị Ú có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 471, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ú về việc yêu cầu chị Nguyễn Thanh T trả tiền hụi còn nợ lại là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thanh T trả cho bà Phan Thị Ú số tiền nợ hụi là 21.520.000 đồng (Hai mươi mốt triệu, năm trăm, hai mươi ngìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Thị Ú phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005543 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Phan Thị Ú được nhận lại 350.000 đồng.

Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 538.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Phan Thị Ú có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Kim Xuyến